TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2022/HCPT
Ngày 11/02/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 666/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc "Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ch (tên gọi khác: Hoàng Thị Ch), sinh năm 1936; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Đông S, xã Việt Đ, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Chủ tịch; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Duy Ph1, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T,

huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Đông S, xã Việt Đ, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3.5. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.6. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3.7. Chị Chu Thị D1, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, anh V1 và chị D1: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; có mặt..

3.8. Ủy ban nhân dân xã Đông T, huyện Yên Ph.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn S1, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn V2, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị L1: Luật sư Ngô Thế Th1 - Công ty TNHH Doanh Gi, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

5. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ch trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn H1 (chết năm 1997) là vợ chồng và sinh được 03 người con gồm: anh Nguyễn Văn Đ1, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị L. Năm 1963, địa phương chia cấp cho vợ chồng bà một thửa đất tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng bà đã xây dựng nhà cửa để sinh sống ổn định trên đất, không có tranh chấp với

ai, chưa kê khai đề nghị địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Năm 1997, ông Nguyễn Văn H1 mất không để lại di chúc, tất cả các thành viên trong gia đình xác định quyền sử dụng thửa đất trên giữ nguyên, là tài sản chung của vợ chồng bà vẫn chưa phân chia. Hiện tại thì thửa đất và ngôi nhà trên đất do bà Ch cùng chị Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng. Anh Nguyễn Văn Đ1 và anh Nguyễn Văn H đã xây dựng gia đình, có nơi ở riêng, không có liên quan gì đến phần đất mà bà đang quản lý, sử dụng. Sau khi ông H1 chết, anh Đ1 thường xuyên chửi bới, đuổi bà Ch cùng chị L ra khỏi thửa đất đang sinh sống, quản lý. Đến năm 2015, khi anh Nguyễn Văn V (con trai anh Đ1) đến xin phép bà Ch cho xây dựng 01 căn nhà ở tạm thời trên một góc thửa đất, bà Ch với ý nghĩ sau khi cho anh V xây dựng nhà trên thửa đất trên, thì anh Đ1 sẽ không gây ra mâu thuẫn trong gia đình nữa. Bà Ch cũng xác định, thửa đất này mặc dù của vợ chồng bà, nhưng cũng xác định sau khi chết sẽ để lại cho con, cho cháu, vì thế bà Ch đã đồng ý cho anh V được phép xây dựng nhà ở tạm thời trên một góc thửa đất. Nhưng sau khi anh V xây dựng nhà xong, anh Đ1 vẫn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà Ch, chị L và đuổi hai mẹ con bà ra khỏi nhà. Vừa qua (khoảng tháng 4/2019), anh Đ1 trong cơn tức giận đã nói rằng, thửa đất này là của anh và đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ, mang tên Nguyễn Văn Đ1 thì bà mới được biết. Tất cả các thành viên trong gia đình bà đều vô cùng bức xúc, không ai biết gì, không ai ký kết bất kể loại giấy tờ nào để cho tặng anh Đ1. Ngay sau đó, bà Ch cùng chị L làm đơn khẩn cấp đến UBND huyện Yên Ph, UBND xã Đông T để yêu cầu thu hồi, hủy GCNQSDĐ đã cấp cho anh Đ1. UBND xã Đông T đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Bà khẳng định rằng việc UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho một mình anh Đ1 là trái với qui định của pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà cùng các thành viên khác trong gia đình. Nay bà Ch khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Yên Ph cấp theo số vào sổ cấp GCN số 00144, ngày 10/01/2001, Quyết định số 530 ngày 28/12/2000, đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph (theo đo đạc năm 2003 là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m^2), người sử dụng đất: hộ Nguyễn Văn Đ1. Bà Ch không đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế hay tài sản chung của gia đình. Sau này gia đình sẽ tự thỏa thuận giải quyết nội bộ.

Chị Nguyễn Thị L thống nhất với ý kiến của bà Ch, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ch.

2. Người đại diện của người bị kiện UBND huyện Yên Ph trình bày và có quan điểm: Hộ anh Nguyễn Văn Đ1 được UBND huyện Yên Ph, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 266,9m^2 tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; vào sổ địa chính trong số 22 ngày 10/01/2001, căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000; cấp giấy chứng nhận theo hình thức hộ gia

đình tự kê khai. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đ1 lưu trữ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000, đã được trưởng thôn Đông X xác nhận, UBND xã Đông T cho ý kiến xác nhận đủ điều kiện để nghị cấp; họ tên chủ hộ gia đình là Nguyễn Văn Đ1, nguồn sử dụng do ông cha để lại. Việc cấp GCN thời điểm này theo diện tập trung nên sổ đã giao hết cho các hộ gia đình, hiện nay UBND huyện Yên Ph không lưu giữ sổ đã cấp đối với thửa đất này. UBND huyện Yên Ph thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đ1 đối với thửa đất nêu trên là đúng thẩm quyền quy định tại Mục IV.2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được về nguồn gốc đất, hồ sơ cấp GCNQSDĐ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh N*guyễn Văn Đ1, chị* N*guyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn V1, anh Nguyễn Văn V, chị Chu Thị D1 trình bày:* Thửa đất diện tích 266,9m^2 (nay theo đo đạc mới là 268m^2) tại Đội Ngo, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H1; bà Ch và ông H1 đã cho gia đình anh Đ1 từ năm 1997, cho từ trước khi ông H1 mất. Đồng thời bà Ch, ông H1 cũng có mảnh đất khác diện tích 384m^2 tại Cổng Đông, nên trước khi ông H1 mất, thì bà Ch, ông H1 cũng cho anh Nguyễn Văn H thửa đất này. Sau đó, gia đình anh Đ1 đã làm thủ tục kê khai để được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 này đã được UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ từ năm 2001. Đồng thời, gia đình anh Nguyễn Văn H cũng được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 384m^2. Gia đình anh Đ1 ở trên mảnh đất này từ năm 1991 đến năm 2004, thì chuyển ra sinh sống tại mảnh đất khác của gia đình mua. Việc gia đình anh Đ1 sử dụng mảnh đất này là công khai, ổn định, không hề có tranh chấp với bất kỳ ai. Việc gia đình được UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này là hoàn toàn công khai, cả gia đình đều được biết. Hằng năm, gia đình anh Đ1 vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất đầy đủ đối với thửa đất này. Năm 2015, vợ chồng anh Đ1 cho con trai Nguyễn Văn V một phần mảnh đất này, anh V đã làm nhà cấp 4 lợp mái tôn trên xây nhà trên một phần mảnh đất này. Khi anh V làm nhà trên đất, không ai trong gia đình có ý kiến gì, hiện nay anh V vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 này. Nay gia đình anh Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ch; đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Ch. Hiện nay gia đình không giữ GCNQSDĐ, nên không cung cấp cho Tòa án được.

3.2. Anh Nguyễn Văn H trình bày: Thửa đất này có nguồn gốc là của bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Ch; ông H1 mất không để lại di chúc. Sau này, bà Ch đã cho anh Nguyễn Văn Đ1 thửa đất này; bản thân anh cũng đồng ý việc cho, vì anh Đ1 là con trưởng. Nay xác định thửa đất này là của anh Đ1, không có liên quan gì. Đồng thời, việc bà Ch yêu cầu hủy GCNQSDĐ của anh Đ1 thì anh không đồng ý, đề nghị không chấp nhận việc khởi kiện của bà Ch.

3.3. Đại diện UBND xã Đông T trình bày: Bản chất sự việc này là do chị L bỏ chồng về ở cùng với bà Ch. Chị L sau khi bỏ chồng về, do không có đất ở nên bà Ch muốn cho chị L thửa đất này nhưng anh Đ1 không đồng ý và đuổi bà Ch, chị L ra khỏi nhà nên mới xảy ra sự việc tranh chấp này. Nguồn gốc thửa đất này là do ông cha để lại cho bà Ch và ông H1. Thời điểm cấp GCNQSDĐ, ông H1 đã mất; việc kê khai cấp GCNQSDĐ theo hình thức tập trung, do gia đình tự kê khai. Khi đó, bà Ch đang ở với anh Đ1, nên anh Đ1 kê khai cấp sổ. Nay hoàn cảnh của bà Ch và chị L hết sức khó khăn. Chị L là hộ nghèo; bà Ch là người già; chị L bị ung thư nuôi con đơn thân nên rất cần thiết có chỗ ở ổn định. UBND xã Đông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, hợp tình hợp lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, đã quyết định: Căn cứ Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 358, Điều 359 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Yên Ph cấp đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph (theo đo đạc năm 2003 là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m^2), người sử dụng đất: hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Thửa đất được dựa vào sổ địa chính trong số 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000. UBND huyện Yên Ph thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 và 08/10/2020, chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị Nguyễn Thị L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị L1 xác định do anh Đ1 do bị bệnh không đi đến phiên tòa được nên đã ủy quyền cho chị L1 trình bày giữ nguyên kháng cáo. Anh Nguyễn Văn V1 ủy quyền cho chị L1 trình bày tại phiên tòa. Quan điểm của chị L1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Ngô Thế Th1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm cả luật hình thức và luật nội dung.

Người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ

tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Phiên tòa được mở lần thứ hai, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người khởi kiện, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, anh Đ1 vắng mặt do bị bệnh không đi được nhưng đã có mặt chị L1 là vợ trình bày tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai, vì vậy, đề nghị xét xử vắng các đương sự theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo, kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị L1 và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Anh Đ1 vắng mặt do bị bệnh, chị L1 là vợ trình bày anh Đ1 không thể đi đến phiên tòa được, chị L1 là người trình bày thay anh Đ1 tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định. Đối với quan điểm của Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Giữa năm 2019, bà Nguyễn Thị Ch phát hiện thửa đất diện tích 266,9m^2 (nay theo đo đạc mới là 268m^2) tại Đội Ngo, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của vợ chồng giữa bà Ch và ông Nguyễn Văn H1 (chết năm 1997) chưa được phân chia thừa kế và cũng không cho ai, nhưng UBND huyện Yên Ph đã cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ1 đối với thửa đất nêu trên. Ngay sau đó, bà Ch đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã Đông T, xã đã hòa hải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 05/01/2020, bà Ch khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên anh Nguyễn Văn Đ1. Xét thấy, bà Ch không phải là đối tượng được nhận GCNQSDĐ nên không được giao và xác định đến tháng 4/2019, bà mới biết thửa đất trên được cấp GCNQSDĐ; chị L1 xác định địa phương giao GCNQSDĐ cho anh Đ1 sau đó đã đưa lại cho bà Ch, nhưng bà Ch không công nhận việc này. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ

ngày bà Ch biết được quyết định. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh căn cứ tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, người bị kiện cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 ngày 15/12/2000, được Trưởng thôn Đông X xác nhận, UBND xã Đông T cho ý kiến xác nhận đủ điều kiện đề nghị cấp; ngoài ra không còn giấy tờ gì khác. Đối với GCNQSDĐ đã được cấp, hiện nay không bên đương sự nào còn lưu trữ, nên không thể hiện được số GCNQSDĐ, không thể hiện được ngày tháng năm cấp GCNQSDĐ. Tất cả các bên đương sự đều xác nhận, thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1; căn cứ thể hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 được dựa vào sổ địa chính trang số 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000; cấp GCN theo hình thức hộ gia đình tự kê khai. Theo đo đạc bản đồ địa chính năm 2003, thửa đất trên được xác định là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m^2. Bà Ch khởi kiện hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 268m^2 theo đo đạc năm 2003, vẫn là cùng vị trí thửa đất. Vì vậy, việc UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 tại Đội Ngo, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh là phù hợp quy định tại Điều 24, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Thông tư số 346 ngày 16/3/1998 và Quyết định số 499 ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính.

[4]. Về căn cứ ban hành quyết định bị khởi kiện: Căn cứ lời khai của bà Ch, chị L, anh Đ1, anh H cũng như chị L1 đều thừa nhận thửa đất diện tích 266,9m^2 (nay theo đo đạc mới năm 2003 diện tích là 268m^2) tại thôn Đông X, xã Đông T có nguồn gốc là của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Văn H1. Theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và 2000, đây là tài sản chung của vợ chồng bà Ch và ông H1, mỗi người có quyền được hưởng ½ khối tài chung của vợ chồng. Năm 1997, ông Nguyễn Văn H1 chết không để lại di chúc. Giữa ông H1 và bà Ch sinh được ba con là chị L, anh Đ1 và anh H, nên ½ tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng là di sản thừa kế của ông H1, những người được hưởng gồm bà Ch, chị L, anh Đ1 và anh H. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định, trước khi chết ông H1 không để lại di chúc bằng văn bản, giữa bà Ch và các con ông H1 không có biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, hoặc phân chia di sản thừa kế của ông H1 theo quy định của pháp luật. Bà Ch, chị L xác định chưa có việc phân chia tài sản chung. Bà Ch chưa cho ai và hiện nay vẫn đang trực tiếp quản lý sử dụng. Anh Đ1, chị L1, anh H xác định trước khi chết, năm 1997 ông H1 di chúc bằng miệng cho anh Đ1 diện tích 266,9m^2, có sự chứng kiến của bà Ch và chị L, anh Đ1 và anh H nhưng

không có bất cứ căn cứ gì chứng minh, đồng thời ông H1 không có quyền định đoạt toàn bộ khối tài sản chung vợ chồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995, thì người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng, ngay sau đó những người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ, mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc. Mặt khác, thời điểm năm 2000, khi đề nghị cấp GCNQSDĐ, tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000, anh Nguyễn Văn Đ1 kê khai thửa đất này có nguồn gốc là do ông cha để lại. Trong khi đó, bà Ch, chị L, anh H không có bất cứ quan điểm, ý kiến gì thể hiện ý chí đã chuyển quyền cho, hoặc chuyển nhượng, phân chia khối tài sản chung, cũng như quan điểm đồng ý cho anh Nguyễn Văn Đ1 được làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 này. Tại thời điểm kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ năm 2000, mặc dù bà Nguyễn Thị Ch có tên trong hộ khẩu của gia đình ông Nguyễn Văn Đ1, tuy nhiên việc UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đ1 vẫn ảnh hưởng đến quyền lợi và quyền định đoạt của các đồng thừa kế khác là ông H và bà L. Mặt khác, căn cứ thể hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đ1 được dựa vào sổ địa chính trang số 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 530 ngày 28/12/2000. Tuy nhiên, qua xem xét đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000 của ông Nguyễn Văn Đ1, thì đến ngày 20/4/2001 mới được UBND xã Đông T xác nhận đủ điều kiện cấp giấy. Do vậy, việc UBND huyện Yên Ph cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đ1 đối với thửa đất diện tích 266,9m^2 (nay theo đo đạc mới năm 2003 diện tích là 268m^2) tại thôn Đông X, xã Đông T mặc dù về thẩm quyền cấp là phù hợp, nhưng việc xác minh, xác nhận của chính quyền địa phương không chặt chẽ, dẫn tới việc UBND huyện Yên Ph đã cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Đ1 là sai đối tượng, không phù hợp quy định Bộ luật Dân sự năm 1995; Luật Đất đai năm 1993; Luật Hôn nhân và gia đình 1986 và 2000, gây ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của bà Ch, quyền lợi hợp pháp cho những người được hưởng quyền thừa kế của ông Nguyễn Văn H1. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch, hủy GCNQSDĐ mang tên hộ anh Nguyễn Văn Đ1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị L1: Xét thấy, việc anh Đ1 và chị L1 xác định trước khi ông H1 chết đã di chúc cho là không có căn cứ, nên cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ1 là không phù hợp quy định của pháp luật, như đã nhận định tại Mục [4]. Do vậy, kháng cáo của anh Đ1 và chị L1 không được có cơ sở. Đối với quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị L1, xét thấy, các căn cứ, lập luận của luật sư tại phiên tòa không có cơ sở, nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp

nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị L1 kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị L1.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị L1 mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị L1 và anh Đ1 đã nộp tại Biên lai số 0004697 ngày 12/10/2020 và Biên lai số 0004699 ngày 13/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị L1 và anh Đ1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ)*
- *Lưu HS; HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Lực